

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/02/2026

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Gia Phượng và ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Bùi Tùng Lâm – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09/02/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị Thu T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà A, khu A, phường P, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến V, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số nhà A, khu A, phường P, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Chu Thị Thu T trình bày:

Chị Chu Thị Thu T và anh Nguyễn Tiến V tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2007 tại UBND thị trấn P, huyện P (nay là xã P), thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình chị T tại xã P, thị xã P (nay là phường P, tỉnh Phú Thọ). Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V chơi bời sử dụng ma túy và có hành vi mua bán trái phép chất ma túy phải đi chấp hành án phạt tù. Hiện nay anh V đã chấp hành án xong và về địa phương. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là:

Nguyễn Phương L, sinh ngày 08/10/2004

Nguyễn Mai P, sinh ngày 06/4/2011

Nguyễn Linh Phương T1, sinh ngày 17/8/2013

Nguyễn Thiên P1, sinh ngày 05/11/2018.

Cháu Nguyễn Phương L đã đủ 18 tuổi, lao động tự túc được nên chị T không đề nghị giải quyết việc nuôi con chung đối với cháu L.

Đối với cháu P, cháu T1, cháu P1 hiện nay đang ở cùng chị, do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh V sau khi mãn hạn tù trở về địa phương, khi chị đề nghị ly hôn thì anh V đã bỏ nhà đi, không quan tâm đến con cái, gia đình. Nay ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi con, không đề nghị anh V phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Tiến V không đến Tòa án theo giấy báo nên không có ý kiến về nội dung vụ việc.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Anh V không đến Tòa án để trình bày quan điểm, không tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử cho chị Chu Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Tiến V

Về con chung: Giao chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung là Nguyễn Mai P, sinh ngày 06/4/2011; Nguyễn Linh Phương T1, sinh ngày 17/8/2013 và Nguyễn Thiên P1, sinh ngày 05/11/2018 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động.

Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 08/10/2004 đã thành niên, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản, nợ chung, công sức đóng góp: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Chu Thị Thu T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị Chu Thị Thu T khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Tiến V là tranh chấp hôn nhân gia đình.

Bị đơn (anh V) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã P, tỉnh Phú Thọ, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị T vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); anh V được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; HĐXX căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh V là phù hợp pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Thu T và anh Nguyễn Tiến V tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P (nay là xã P), thành phố Hà Nội, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị T và anh V có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2023. Chị T cho rằng anh V chơi bời, có hành vi sử dụng trái pháp chất ma túy và mua bán trái phép chất ma túy nên đã bị xử phạt tù và phải chấp hành hình phạt tù từ năm 2023 đến tháng 10/2025 trở về địa phương.

Anh V đã không đến Tòa án để trình bày quan điểm về hôn nhân. Quá trình xác minh tại địa phương và công an phường P (nơi anh V cư trú) đã cung cấp thông tin, sau khi mãn hạn tù, anh V đã đến công an phường P báo cáo việc đã trở về địa phương. Khu dân cư cung cấp thông tin anh V trở về địa phương được một thời gian ngắn thì đã đi làm ăn hiện không có mặt tại địa phương, anh V có về nhà nhưng không có thời gian cố định. Vợ chồng chị T và anh V có mâu thuẫn, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn chính xác thì khu dân cư không nắm bắt được do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở. Hiện nay các con chung của chị T và anh V đều ở với chị T và do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của trẻ em

Chị T và anh V hiện nay đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Chị T xuất trình hình ảnh việc chị T gửi văn bản tố tụng của Tòa án cho anh V thông qua mạng xã hội (meseger), anh V đã xem, đã biết thông tin nhưng không đến Tòa án để trình bày quan điểm. Từ đó có thể thấy, anh V cố tình trốn tránh không đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ việc theo đơn khởi kiện của chị T. Mâu thuẫn của chị T và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần xử cho chị T được ly hôn anh V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: chị trình bày xuất trình các tài liệu thể hiện chị T và anh V có 04 con chung là:

Nguyễn Phương L, sinh ngày 08/10/2004

Nguyễn Mai P, sinh ngày 06/4/2011

Nguyễn Linh Phương T1, sinh ngày 17/8/2013

Nguyễn Thiên P1, sinh ngày 05/11/2018.

Cháu Nguyễn Phương L đã đủ 18 tuổi, lao động tự túc được, chị T không đề nghị Tòa án xem xét việc nuôi con chung đối với cháu L, vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết việc nuôi con chung đối với cháu L.

Đối với cháu P, cháu T1 và cháu P1: Hiện nay cả 03 cháu đang ở với chị T, được chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Các cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Anh V hiện không có mặt tại địa phương và cũng không có quan điểm về việc nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo cho các cháu ổn định cuộc sống, có điều kiện để được học tập, chăm nuôi một cách tốt nhất, xét giao cho chị T trực tiếp nuôi cả ba con chung là cháu P, cháu T1, cháu P1. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

[3.3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh V do vắng mặt nên không có quan điểm. Vì vậy cần tách tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp giữa chị T và anh V không giải quyết tại vụ án này. Nếu các đương sự sau có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: chị Chu Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Tiến V.

Về con chung:

Giao cho chị Chu Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung gồm: cháu Nguyễn Mai P, sinh ngày 06/4/2011; cháu Nguyễn Linh Phương T1, sinh ngày 17/8/2013; cháu Nguyễn Thiên P1, sinh ngày 05/11/2018 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động được. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Chu Thị Thu T phải có nghĩa vụ chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005423 ngày 17/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị T, anh V vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 2- Phú Thọ;
- Phòng THADS Khu vực 2- Phú Thọ;
- UBND xã Phúc Thọ;
- (KH ngày 24/12/2007 tại thị trấn Phúc Thọ)
- Đương sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thanh Loan